

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG ST VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG ST VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ST VIETNAM MEDIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ST VIETNAM MEDIA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110515139

3. Ngày thành lập: 20/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 12 ngõ 3 phố Đặng Văn Ngữ, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904639705

Fax:

Email: thuhadtp1122@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541

11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ động vật hoang dã)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651(Chính)
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Dịch vụ đóng gói	8292
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động báo chí)	9000

34.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
35.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
36.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
37.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
38.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
39.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
40.	Lập trình máy vi tính	6201
41.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
42.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; - Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin; - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử. Sàn giao dịch thương mại điện tử; Website khuyến mại trực tuyến	6209
43.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
44.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán)	6619
45.	Hoạt động tư vấn quản lý (loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán)	7020
46.	Quảng cáo	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Bán buôn tổng hợp (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4690
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

54.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
55.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
56.	Sản xuất đường	1072
57.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
58.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
59.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
60.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
61.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
62.	Sản xuất rượu vang	1102
63.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
64.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
65.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
66.	Sản xuất sợi	1311
67.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
68.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
69.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
70.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
71.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
72.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
73.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
74.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
75.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
76.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
77.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
78.	Sản xuất giày, dép	1520
79.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
80.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
81.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
82.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
83.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
84.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
85.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
86.	In ấn	1811
87.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
88.	Sao chép bản ghi các loại	1820
89.	Sản xuất than cốc	1910
90.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
91.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011

92.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
93.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
94.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
95.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
96.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
97.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
98.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
99.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
100.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
101.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
102.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
103.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
104.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
105.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
106.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
107.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
108.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
109.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
110.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
111.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
112.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
113.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
114.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
115.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
116.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
117.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
118.	Bốc xếp hàng hóa	5224
119.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
120.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
121.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
122.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
123.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

124.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
125.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim video	5911
126.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video (không bao gồm hoạt động báo chí và hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
128.	Đại lý du lịch	7911
129.	Điều hành tua du lịch	7912
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
131.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
132.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
133.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
134.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
135.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
136.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
137.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
138.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
139.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
140.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
141.	Thu gom rác thải độc hại	3812
142.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
143.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
144.	Xây dựng nhà để ở	4101
145.	Xây dựng nhà không để ở	4102
146.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
147.	Xây dựng công trình điện	4221
148.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
149.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

150.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
151.	Xây dựng công trình thủy	4291
152.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
153.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
154.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
155.	Phá dỡ (Không bao gồm hoạt động nổ mìn)	4311
156.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động nổ mìn)	4312
157.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
158.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
159.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
160.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
161.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
162.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THU HÀ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 06/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001189014546

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 311, Tập thể E9 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 311, Tập thể E9 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001189014546

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 311, Tập thể E9 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 311, Tập thể E9 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội